

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 4 Điều 7, Điều 212, Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án .

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 312/2020/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự

Chị Lê Thu Th – sinh năm 1982

ĐKNKTT : tổ 11 phường Tr, quận H, Hà Nội

Tạm trú nhà số 1 ngách 42/70 phố Ng , phường Ng , quận B , Hà Nội

Và anh Bùi Văn T- sinh năm 1983

ĐKNKTT: xã Đ , huyện V, tỉnh V

Tạm trú nhà số 1 ngách 42/70 phố Ng , phường Ng , quận B , Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị Lê Thu Th và anh Bùi Văn T ó tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tr , quận H , Hà Nội (Số GCNĐKKH 49/2008)

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 312/2020/TLST- VHNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1-Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

-Về quan hệ hôn nhân : Công nhận thuận tình ly hôn giữa :

Chị Lê Thu Th và anh Bùi Văn T

-Về con chung: Trong thời kỳ hôn chị Th và anh T thống nhất có 02 con chung Bùi Hà A sinh ngày 26/11/2009 và Bùi Lê Thùy D sinh ngày 30/11/2011. Ly hôn chị Th và anh T thỏa thuận giao 2 con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/ tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi anh chị có sự thay đổi khác. Anh toàn có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

-Về tài sản chung. Về nhà đất ở chung: Chị Th và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết .

-Về khoản nợ chung : Chị Th , anh T xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Th tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Xác nhận chị đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0024533 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKSND quận Ba Đình
- Chi cục THADS quận Ba Đình
- UBND phường Tr , quận H ,HN
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thủy

